

SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC NHÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TB-TTQLKTN

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO

V/v cho thuê nhà do Trung tâm Quản lý và Khai thác nhà Đà Nẵng quản lý, khai thác

Trung tâm Quản lý và Khai thác nhà Đà Nẵng thông báo danh mục nhà, đất cho thuê nhà (gắn với quyền sử dụng đất) và giá niêm yết, giá sàn cho thuê, nội dung cụ thể như sau:

1. Danh mục nhà, đất cho thuê theo phương thức niêm yết giá:

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m ²)		Giá niêm yết (đồng/m ² /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê nhà	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	06 Phan Châu Trinh xã Quế Sơn	006PCT-QSQN.064	198,6	48,00	301.252	48,00	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	7.230.000
2	Thuế Bình Quý, xã Thăng Bình	TBQXTB-TBQN.065	120,0	60,00	105.173	60,00	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục	3.155.000

								– đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
3	Thuế Phong Thủ, xã Điện Bàn	TPTXĐB- ĐBQN.066	76,0	101,00	81.704	101,00	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	4.126.000

2. Danh mục nhà, đất cho thuê theo phương thức chào giá cạnh tranh:

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m ²)		Giá sàn cho thuê (đồng/m ² /năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê nhà	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	TAND huyện Quế sơn (cũ), thôn Trung Hạ, xã Nông Sơn	TANDQS- NSQN.067	5.833,0	572,00	963.371	572,00	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	275.524.000
2	KBNN Nam Trà My, xã Nam Trà My	KBNNNTM- NTMQN.068	3.540,0	810,00	440.920	810,00	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo,	178.572.500

								dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
3	Thuế cơ sở 10, xã Nam Trà My	0TCS10-NTMQN.069	3.349,0	546,00	353.976	546,00	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	96.635.500
4	258 Hùng Vương phường Tam Kỳ (Nhà khách tỉnh ủy (cũ))	0258HV-TKQN.070	2.721,3	1.453,00	587.928	1.453,00	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	427.130.000
5	215 Hùng Vương phường Tam Kỳ - Đài truyền hình Tam Kỳ (cũ)	0215HV-TKQN.071	1.194,6	451,32	1.016.837	451,32	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	229.459.500
6	118 Lê Tấn Trung phường Tam Kỳ - UBND	118LTT-TKQN.072	2959,8	1273,755	489.639	1273,755	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo,	311.840.000

	Trường Xuân (cũ)							dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
7	87 Mẹ Thù xã Điện Bàn – Đội quy tắc đô thị xã Điện Bàn (cũ)	0087MT-ĐBQN.073	761,3	638,00	291.629	638,00	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	93.030.000
8	KBNN Hiệp Đức (cũ), xã Hiệp Đức	KBNNHD-HĐQN-074	1.760,0	960,00	759.815	960,00	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	364.711.500
9	136 Võ Chí Công xã Hiệp Đức – THA Hiệp Đức (cũ)	136VCC-HĐQN.075	1.575,0	251,00	230.679	251,00	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	28.950.000
10	KBNN Đại Lộc (cũ), xã Đại Lộc	KBNNĐL-ĐLQN.076	1456,7	626,00	542.813	626,00	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo,	169.900.500

								dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	
11	BHXXH Đại Lộc (cũ), xã Đại Lộc	BHXXHDL-ĐLQN.077	1.037,0	1.362,00	402.397	1.362,00	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	274.032.500
12	Thuế Nghĩa Phước (cũ), xã Đại Lộc	TNPXDL-ĐLQN.078	167,5	167,50	363.104	167,50	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	30.410.000
13	02 An Mỹ 8 phường An Hải – THA Sơn Trà (cũ)	002AM8-AHĐN.079	534,9	300,00	1.363.874	300,00	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	204.581.000
14	29 Ông Ích Khiêm phường Hải Châu – Ban chỉ huy quận dự P. Thanh Bình (cũ)	029OIK-TBĐN.080	60,0	240,00	625.874	240,00	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	75.105.000

15	VKSND huyện Nông Sơn (cũ), thôn Trung Hạ xã Nông Sơn	VKSNDNS- NSQN.081	2.455,0	1.093,00	704.030	1.093,00	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	384.752.500
16	VKSND huyện Quế Sơn (cũ), đường Ngô Tuận, thôn Lãnh Thượng 1 xã Quế Sơn	VKSNDQS- QSQN.082	2.982,0	1168,56	1.137.540	1168,56	10 năm	Trụ sở làm việc; kinh doanh, thương mại, dịch vụ, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.	664.642.000

3. Thời gian, địa điểm nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước: bắt đầu từ 07 giờ 30 phút ngày 29/9/2026 đến hết 17 giờ 30 phút ngày 07/10/2026 (không tính Thứ Bảy, Chủ Nhật) tại Trung tâm Quản lý và Khai thác nhà Đà Nẵng – số 06 Trần Quý Cáp, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (*Hướng dẫn nộp hồ sơ đăng ký thuê nhà, đất đính kèm Thông báo này*).

4. Thời gian, địa điểm tổ chức xác định người được quyền thuê nhà: bắt đầu từ 07 giờ 45 phút ngày 09/10/2026, tại Trung tâm Quản lý và Khai thác nhà Đà Nẵng – số 06 Trần Quý Cáp, phường Hải Châu thành phố Đà Nẵng.

5. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê nhà (gắn với quyền sử dụng đất) tại điểm 1, điểm 2 Thông báo này thực hiện:

a) Nộp Phiếu đăng ký thuê nhà do Trung tâm Quản lý và Khai thác nhà Đà Nẵng phát hành và tiền đặt trước được xác định bằng 5% của tiền thuê nhà cho cả thời hạn thuê nhà theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ vào tài khoản ngân hàng [**Số tài khoản: 8620014815; tên chủ tài khoản: Trung tâm Quản lý và Khai thác nhà Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam**], thời gian nộp tiền đặt trước: từ 07 giờ 30 phút ngày 29/9/2026 đến hết 17 giờ 30 phút ngày 07/10/2026.

Trường hợp thuộc đối tượng ưu tiên thuê nhà theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP), Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP thì phải nộp bản sao các hồ sơ, tài liệu chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên.

b) Tham dự buổi xác định người được quyền thuê nhà theo đúng thời gian, địa điểm thông báo tại điểm 4 Thông báo này.

c) Trường hợp có nhu cầu xem nhà trước khi nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê nhà đăng ký với Trung tâm Quản lý và Khai thác nhà Đà Nẵng.

6. Thông tin liên hệ của Trung tâm Quản lý và Khai thác nhà Đà Nẵng:

- Địa chỉ liên hệ: Số 06 đường Trần Quý Cáp, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- Điện thoại liên hệ: 02363.863.147

- Người chịu trách nhiệm:

+ Bà Nguyễn Thị Minh Châu, Điện thoại: 02363.863.147.

+ Bà Hà Thị Minh Sương, Điện thoại: 0916.878.545.

+ Bà Đinh Thị Trà, Điện thoại: 0949.817.719.

(Email: chauntm@danang.gov.vn)

Trung tâm Quản lý và Khai thác nhà Đà Nẵng xin thông báo./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố Đà Nẵng (để báo cáo);
- Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng (để báo cáo);
- Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng (để đăng tin);
- Trang thông tin điện tử Sở Tài chính thành phố (để đăng tin);
- Trang thông tin điện tử Sở Xây dựng thành phố (để đăng tin);
- Trang thông tin điện tử TT Quản lý và Khai thác nhà (để đăng tin);
- UBND xã Quế Sơn, xã Thăng Bình, xã Điện Bàn, xã Nông Sơn, xã Nam Trà My, phường Tam Kỳ, xã Hiệp Đức, xã Đại Lộc, phường An Hải trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (để hỗ trợ đăng tin);
- Niêm yết công khai tại trụ sở Trung tâm và 19 cơ sở nhà, đất cho thuê;
- Lưu: VT, TSC (Sương).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trà Văn Quang

